

Bản án: 55/2022/HS-ST

Ngày: 11 – 7 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Hậu.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Mạnh Hùng.
2. Bà Nguyễn Thị Song Trà.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lưu Quốc Trọng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:* Bà Đặng Thị Minh Hiếu – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 và ngày 11 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 38/2022/TLST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 191/2022/QĐXXST- HS ngày 29 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

Lê Huy T (tên gọi khác: Không), sinh năm 1998 tại Thanh Hóa. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Lộc L (nay là Thôn Long Đông T), xã Quảng L, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; nơi ở hiện nay: Thôn Tư C, xã Tịnh K, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Huy T và bà Lê Thị T; Vợ: Trương Thị Mỹ P; con: Có 01 con sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/12/2021 đến ngày 17/3/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh, Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Phạm Thị K, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Thôn An K, xã Tịnh K, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

2. Bà Phạm Thị L, sinh năm 1968; Nơi cư trú: Thôn Quang M, xã Tịnh H, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

3. Bà Lưu Thị Kim S, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Thôn Mỹ L, xã Tịnh K, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

4. Bà Đỗ Thị Tường V, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Thôn Hòa B, xã Tịnh T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

5. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1964; Nơi cư trú: Thôn Định T, xã Bình C, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, **có mặt**.
6. Bà Lê Thị Thu N, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Thôn Mỹ L, xã Tịnh K, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, **có mặt**.
7. Bà Phạm Thị Thanh V, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Thôn Định T, xã Bình C, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
8. Bà Lê Thị T (tên gọi khác: P), sinh năm 1973; Nơi cư trú: Thôn Định T, xã Bình C, huyện Bình S, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
9. Bà Nguyễn Thị Mỹ K, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Thôn Hòa B, xã Tịnh T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
10. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969; Nơi cư trú: Thôn Định T, xã Bình C, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
11. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1958; Nơi cư trú: Thôn Định T, xã Bình C, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, **có mặt**.
12. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1969; Nơi cư trú: Thôn Định T, xã Bình C, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
13. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Thôn Định T, xã Bình C, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
14. Bà Đỗ Thị X, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Thôn Định T, xã Bình C, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
15. Bà Đỗ Thị C, sinh năm 1963; Nơi cư trú: Thôn Định T, xã Bình C, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
16. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1969; Nơi cư trú: Thôn Định T, xã Bình C, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
17. Bà Phạm Thị B, sinh năm 1970; Nơi cư trú: Thôn Định T, xã Bình C, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
18. Bà Tiêu Thị Mỹ L, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Thôn Định T, xã Bình C, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
19. Bà Võ Thị Kim T, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Thôn Định T, xã Bình C, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
20. Bà Lâm Thị C, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Thôn Cổ L, xã Tịnh K, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
21. Bà Trần Thị L, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Thôn An V, xã Tịnh K, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
22. Bà Võ Thị H, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Thôn Cổ L, xã Tịnh K, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
23. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Thôn An V, xã Tịnh K, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.
24. Bà Phạm Hoàng T, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Thôn Tư C, xã Tịnh K,

thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

25. Bà Phạm Thị X, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Thôn Trường Đ, xã Tịnh K, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

26. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Thôn Định T, xã Bình C, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, **có mặt**.

27. Bà Đặng Thị H, sinh năm 1968; Nơi cư trú: Thôn Tư C, xã Tịnh K, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 4 năm 2020 đến ngày 18 tháng 12 năm 2021, bị cáo Lê Huy T từ tỉnh Thanh Hóa vào thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi để thực hiện hành vi cho vay lãi nặng. T cho những người dân trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi và huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi vay tiền với mức lãi suất vượt mức quy định. Theo đó, bị cáo đã sử dụng thủ đoạn lôi kéo người dân vay tiền bằng hình thức in card visit kèm theo số điện thoại 0387021326 và phát cho những người có nhu cầu vay. Người dân có nhu cầu vay tiền thì liên lạc với bị cáo qua số điện thoại có trên tờ rơi, bị cáo hẹn gặp người vay tại quán cà phê hoặc trực tiếp đến nhà để thỏa thuận việc vay tiền. Khi cho vay tiền, bị cáo yêu cầu người vay cung cấp chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, giấy khai sinh (bản chính hoặc bản pho to), lãi suất cho vay thỏa thuận bằng miệng, dao động từ 0,77%/ngày đến 01%/ngày (tương đương 281% đến 365%/năm). Hàng ngày bị cáo đến nhà người vay tiền để thu tiền lãi và tiền gốc.

Với thủ đoạn như trên bị cáo đã cho nhiều người trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi và huyện Bình Sơn tỉnh Quảng Ngãi vay, Cơ quan CSĐT Công an TP Quảng Ngãi đã làm việc được **26** người vay với tổng số tiền cho vay **749.500.000đồng** với suất từ 0,77%/ngày đến 01%/ngày (tương đương 281% đến 365%/năm), gấp từ 14 đến 18 lần lãi suất pháp luật cho phép 0,0548%/ngày (Điều 468 - Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: lãi suất cho vay không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, tức là không được vượt quá 0,0548%/ngày). Tổng số tiền lãi Tuấn đã thu **162.549.033 đồng**; trong đó tiền lãi thu phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự **10.690.161 đồng**, lãi suất vượt mức quy định (vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay) **151.858.872đồng**. Ngoài ra bị cáo còn thu tiền phí (phụ thu) từ người vay tiền **32.050.000đồng**. Bị cáo đã thu lợi bất chính từ hoạt động cho vay lãi nặng **183.908.872đồng**.

Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi đã xác định 26 người vay tiền và các lượt cho vay của Lê Huy T, cụ thể:

1. Phạm Thị K vay 02 lần với tổng số tiền **12.500.000 đồng**, lãi suất 0,77%/ngày, tiền lãi và gốc phải trả **200.000 đồng/ngày** và **300.000 đồng/ngày**. Tiền lãi đã trả **2.651.613 đồng**, trong đó tiền lãi đúng pháp luật quy định **187.672 đồng**, tiền lãi vượt mức luật định **2.463.941đồng**. Tiền gốc chưa trả **1.451.613đồng**.

2. Bà Phạm Thị L vay 02 lần với tổng số tiền **15.000.000đồng**, lãi suất 01%/ngày, tiền lãi và gốc phải trả mỗi ngày **250.000 đồng/ngày** và **500.000 đồng/ngày**. Tiền lãi đã trả **2.750.000đồng**, trong đó tiền lãi đúng pháp luật quy định **150.685đồng**, tiền lãi vượt mức luật định **2.599.315đồng**. Tiền gốc chưa trả 4.000.000đồng.

3. Bà Lưu Thị Kim S vay 02 lần với tổng số tiền **13.000.000đồng**, lãi suất 01%/ngày, tiền lãi và gốc phải trả mỗi ngày **250.000 đồng/ngày** và **400.000 đồng/ngày**. Tiền lãi đã trả **2.610.000đồng**, trong đó tiền lãi theo pháp luật quy định **143.014 đồng**, tiền lãi vượt mức quy định **2.466.986đồng**. Tiền gốc chưa trả 2.560.000đồng.

4. Bà Đỗ Thị Tường V vay 03 lần với tổng số tiền **15.000.000đồng**, lãi suất 01%/ngày, tiền lãi và gốc phải trả mỗi ngày **250.000 đồng/ngày**. Tiền lãi đã trả **3.750.000đồng**, trong đó tiền lãi theo pháp luật quy định **205.479đồng**, tiền lãi vượt mức quy định **3.544.521đồng**.

5. Bà Nguyễn Thị M vay số tiền **5.000.000đồng**, lãi suất 01%/ngày, tiền lãi và gốc phải trả mỗi ngày **250.000 đồng/ngày**. Tiền lãi đã trả **200.000đồng**, trong đó tiền lãi theo pháp luật quy định **10.959đồng**, tiền lãi vượt mức quy định **189.041đồng**. Tiền gốc chưa trả 4.200.000đồng.

6. Bà Lê Thị Thu N vay 05 lần với tổng số tiền **30.000.000đồng**, lãi suất 0,77%/ngày, tiền lãi và gốc phải trả mỗi ngày **250.000 đồng/ngày** và **300.000đồng/ngày**. Tiền lãi đã trả **6.038.710đồng**, trong đó tiền lãi theo pháp luật quy định **427.398đồng**, tiền lãi vượt mức quy định **5.611.312đồng**. Tiền gốc chưa trả 4.838.710đồng.

7. Bà Phạm Thị Thanh V vay 03 lần với tổng số tiền **17.000.000 đồng**, lãi suất 01%/ngày, tiền lãi và gốc phải trả mỗi ngày **250.000 đồng/ngày** và **300.000 đồng/ngày**. Tiền lãi đã trả là **4.250.000 đồng**, trong đó tiền lãi theo pháp luật quy định **232.877 đồng**, tiền lãi vượt mức quy định **4.017.123 đồng**.

8. Bà Lê Thị T vay 03 lần với tổng số tiền **26.000.000đồng**, lãi suất 0,77%/ngày đến 01%/ngày, tiền lãi và gốc phải trả mỗi ngày **400.000 đồng/ngày**. Tiền lãi đã trả là **4.640.000đồng**, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định **292.603đồng**, tiền lãi vượt mức quy định **4.347.397đồng**. Tiền gốc chưa trả 7.040.000đồng.

9. Bà Nguyễn Thị Mỹ K vay 03 lần với tổng số tiền **20.000.000đồng**, lãi suất 01%/ngày, tiền lãi và gốc phải trả mỗi ngày **250.000 đồng/ngày** và **500.000đồng/ngày**. Tiền lãi đã trả là **3.400.000đồng**, trong đó tiền lãi theo pháp luật quy định **186.301đồng**, tiền lãi vượt mức quy định **3.213.699đồng**. Tiền gốc chưa trả 6.400.000đồng.

10. Bà Nguyễn Thị H vay 10 lần với tổng số tiền **50.000.000đồng**, lãi suất 01%/ngày, tiền lãi và gốc phải trả mỗi ngày **250.000 đồng/ngày**. Tiền lãi đã trả **11.450.000đồng**, trong đó tiền lãi theo pháp luật quy định **627.396đồng**, tiền lãi vượt mức quy định **10.822.604đồng**. Tiền gốc chưa trả 4.200.000đồng.

11. Bà Phạm Thị T vay 18 lần, trong thời gian từ tháng 4/2020, với tổng

số tiền **90.000.000đồng**, lãi suất 0,77%/ngày, tiền lãi và gốc phải trả mỗi ngày **200.000 đồng/ngày**. Tiền lãi đã trả là **20.709.677đồng**, trong đó tiền lãi theo pháp luật quy định **1.465.762đồng**, tiền lãi vượt mức quy định **19.243.915đồng**. Tiền gốc chưa trả 3.709.677đồng.

12. Bà Nguyễn Thị Phấn vay **5.000.000đồng**, lãi suất 01%/ngày, tiền lãi và gốc phải trả mỗi ngày **250.000 đồng/ngày**. Tiền lãi đã trả **1.250.000đồng**, trong đó tiền lãi theo pháp luật quy định **68.493đồng**, tiền lãi vượt mức quy định **1.181.507đồng**.

13. Bà Nguyễn Thị H vay 02 lần với tổng số tiền **11.000.000đồng**, lãi suất 01%/ngày, tiền lãi và gốc phải trả mỗi ngày là **250.000 đồng/ngày** và **300.000đồng/ngày**. Tiền lãi đã trả **1.370.000đồng**, trong đó tiền lãi theo pháp luật quy định **75.068đồng**, tiền lãi vượt mức quy định **1.294.932đồng**. Tiền gốc chưa trả 5.520.000đồng.

14. Bà Đỗ Thị X vay **5.000.000đồng**, lãi suất 01%/ngày, tiền lãi và gốc phải trả mỗi ngày **250.000 đồng/ngày**. Tiền lãi đã trả **550.000đồng**, trong đó tiền lãi theo pháp luật quy định **30.137đồng**, tiền lãi vượt mức quy định **519.863đồng**. Tiền gốc chưa trả 2.800.000đồng.

15. Bà Đỗ Thị C vay 14 lần với tổng số tiền **70.000.000đồng**, lãi suất 0,77%/ngày, tiền lãi và gốc phải trả mỗi ngày là **200.000đồng/ngày**. Tiền lãi đã trả **16.180.645đồng**, trong đó tiền lãi theo pháp luật quy định **1.145.212đồng**, tiền lãi vượt mức quy định **15.035.433đồng**. Tiền gốc chưa trả 2.580.645đồng.

16. Bà Nguyễn Thị B vay 02 lần với tổng số tiền **15.000.000đồng**, lãi suất 01%/ngày, tiền lãi và gốc phải trả mỗi ngày **250.000đồng/ngày** và **500.000đồng/ngày**. Tiền lãi đã trả **1.950.000đồng**, trong đó tiền lãi theo pháp luật quy định **106.849đồng**, tiền lãi vượt mức quy định **1.843.151đồng**. Tiền gốc chưa trả 7.200.000đồng.

17. Bà Phạm Thị B vay 05 lần với tổng số tiền **60.000.000đồng**, lãi suất 0,94%/ngày, tiền lãi và gốc phải trả mỗi ngày **500.000 đồng/ngày**. Tiền lãi đã trả là **16.370.968đồng**, trong đó tiền lãi theo pháp luật quy định **953.426đồng**, tiền lãi vượt mức quy định **15.417.542đồng**. Tiền gốc chưa trả 3.870.968đồng.

18. Bà Tiêu Thị Mỹ L vay 02 lần với tổng số tiền **10.000.000đồng**, lãi suất 01%/ngày, tiền lãi và gốc phải trả mỗi ngày **250.000 đồng/ngày**. Tiền lãi đã trả **2.350.000đồng**, trong đó tiền lãi theo pháp luật quy định **128.767đồng**, tiền lãi vượt mức quy định **2.221.233đồng**. Tiền gốc chưa trả 600.000đồng.

19. Bà Võ Thị Kim T vay 15 lần với tổng số tiền **150.000.000đồng**, lãi suất 0,77%/ngày, tiền lãi và gốc phải trả mỗi ngày **400.000 đồng/ngày**. Tiền lãi đã trả **34.296.774đồng**, trong đó tiền lãi theo pháp luật quy định **2.427.397đồng**, tiền lãi vượt mức quy định **31.869.377đồng**. Tiền gốc chưa trả 7.096.774đồng.

20. Bà Lâm Thị C vay 02 lần với tổng số tiền **10.000.000 đồng**, lãi suất 0,77%/ngày, tiền lãi và gốc phải trả mỗi ngày **200.000 đồng/ngày**. Tiền lãi đã trả **1.819.355 đồng**, trong đó tiền lãi theo pháp luật quy định **128.768 đồng**, tiền lãi

vượt mức quy định **1.690.587 đồng**. Tiền gốc chưa trả 2.419.355đồng.

21. Bà Trần Thị L vay 02 lần với tổng số tiền **10.000.000đồng**, lãi suất 0,77%/ngày, tiền lãi và gốc phải trả mỗi ngày **200.000 đồng/ngày**. Tiền lãi đã trả **1.354.839đồng**, trong đó tiền lãi theo pháp luật quy định **95.891đồng**, tiền lãi vượt mức quy định **1.258.948đồng**. Tiền gốc chưa trả 4.354.839đồng.

22. Bà Võ Thị H vay 05 lần với tổng số tiền **25.000.000đồng**, lãi suất 0,77%/ngày, tiền lãi và gốc phải trả mỗi ngày **200.000đồng/ngày**. Tiền lãi đã trả **5.109.677đồng**, trong đó tiền lãi theo pháp luật quy định **361.646đồng**, tiền lãi vượt mức quy định **4.748.031đồng**. Tiền gốc chưa trả 3.709.677đồng.

23. Bà Phạm Thị H vay **5.000.000đồng**, lãi suất 0,77%/ngày, tiền lãi và gốc phải trả mỗi ngày **200.000 đồng/ngày**. Tiền lãi đã trả **890.323đồng**, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định **63.014đồng**, tiền lãi vượt mức quy định **827.309đồng**. Tiền gốc chưa trả 1.290.323đồng.

24. Bà Phạm Hoàng T vay 06 lần với tổng số tiền **30.000.000đồng**, lãi suất 0,77%/ngày, tiền lãi và gốc phải trả mỗi ngày **200.000 đồng/ngày**. Tiền lãi đã trả **6.619.355 đồng**, trong đó tiền lãi theo pháp luật quy định **468.496đồng**, số tiền lãi vượt mức quy định **6.150.859đồng**. Tiền gốc chưa trả 2.419.355đồng.

25. Bà Phạm Thị X vay 03 lần với tổng số tiền **30.000.000đồng**, lãi suất 0,77%/ngày, tiền lãi và gốc phải trả mỗi ngày **400.000 đồng/ngày**. Tiền lãi đã trả **5.264.516đồng**, trong đó tiền lãi theo pháp luật quy định **372.603đồng**, tiền lãi vượt mức quy định **4.891.913đồng**. Tiền gốc chưa trả 8.064.516đồng.

26. Bà Nguyễn Thị X vay 04 lần với tổng số tiền **20.000.000đồng**, lãi suất 0,77%/ngày, tiền lãi và gốc phải trả mỗi ngày **200.000 đồng/ngày**. Tiền lãi đã trả **4.722.581đồng**, trong đó tiền lãi theo pháp luật quy định **334.248đồng**, tiền lãi vượt mức quy định **4.388.333đồng**. Tiền gốc chưa trả 322.581đồng.

Đối với những người vay còn lại bị cáo T khai, cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi đã xác minh nhưng không xác định được nhân thân, địa chỉ nên Cơ quan Điều tra không làm việc được và không có căn cứ xử lý.

Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi đã thu giữ các tài liệu, đồ vật và xử lý gồm:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh - đen, số IMEI 1: 357755105664856, số IMEI 2: 357755107664854 và thẻ sim Viettel số: 0387021326 (Số seri 8984048000311113939), đã qua sử dụng: đây là công cụ, phương tiện mà T dùng để lưu tên, số điện thoại của người vay, bị can dùng điện thoại này để liên lạc và thu tiền gốc, lãi hàng ngày của người vay.

- Tạm giữ từ T 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave S màu đen - trắng, biển kiểm soát số: 86C1 - 071.46 có nguồn gốc bà H mua vào năm 2013 với giá 1.700.000đồng từ một người không rõ họ tên. T mượn xe này của bà H để làm phương tiện đi lại, bà H không biết T sử dụng xe làm phương tiện để hoạt động cho vay lãi nặng. Qua tra cứu xác định Cơ quan CSĐT Công an TP Quảng Ngãi chưa có căn cứ để trả xe mô tô trên cho bà H nên đã tách chiếc xe mô tô nói trên ra khỏi hồ sơ vụ án để tiếp tục điều tra xác minh, xử lý sau.

- 01 Căn cước công dân mang tên Lê Huy T, số 038098017741 do Cục trưởng Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 16/9/2021. Cơ quan CSĐT Công an TP Quảng Ngãi đã trả lại cho bà Đặng Thị H - là mẹ vợ của Lê Huy T theo yêu cầu của Tuấn.

- Đối với 01 căn cước công dân mang tên Đỗ Thị X, số 051190015339 do Cục trưởng Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 20/8/2021; 01 Giấy khai sinh mang tên Phạm Gia M, sinh ngày 16/7/2011 cha ruột tên Phạm B, mẹ ruột tên Nguyễn Thị X và 01 Giấy khai sinh mang tên Phạm Thị Thúy Q, sinh ngày 07/11/2006 cha ruột tên Phạm B, mẹ ruột tên Nguyễn Thị X: đây là giấy tờ bà X đưa cho T khi vay tiền. Cơ quan CSĐT Công an TP Quảng Ngãi đã trả lại cho bà Đỗ Thị X.

- Tạm giữ từ bị cáo T số tiền **4.200.000đồng** là tiền lãi và tiền gốc thu của người vay trong ngày 18/12/2021.

Bản Cáo trạng số 34/CT – VKS ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi truy tố bị cáo Lê Huy T về tội: “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo từ 12 đến 18 tháng tù.

***Xử lý vật chứng:**

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh - đen, số IMEI 1: 357755105664856, số IMEI 2: 357755107664854, đã qua sử dụng: đây là công cụ, phương tiện mà T dùng để lưu tên, số điện thoại của người vay, bị can dùng điện thoại này để liên lạc và thu tiền gốc, lãi hàng ngày của người vay. Do đó áp dụng Điều 106 BLTTHS; Điều 47 BLHS đề nghị Tuyên tịch thu nộp Ngân sách Nhà Nước.

- Đối với 01 thẻ sim Viettel số: 0387021326 (Số seri 8984048000311113939) là phương tiện T sử dụng liên lạc với người vay tiền để thu tiền gốc và lãi hàng ngày. Do đó áp dụng Điều 106 BLTTHS; Điều 47 BLHS đề nghị Tuyên tịch thu tiêu hủy.

Đối với các tài liệu, đồ vật khác đã thu giữ trong quá trình điều tra vụ án, đã giải quyết xong nên không xem xét.

*** Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp khác:**

- Tổng số tiền gốc mà bị cáo cho người dân vay là **749.500.000đồng**, đây là phương tiện mà bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Đề nghị buộc bị cáo nộp lại số tiền trên để sung vào công quỹ nhà nước.

- Trong khoảng thời gian từ tháng 04 năm 2020 đến ngày 18 tháng 12 năm 2021, bị cáo thu lãi vượt mức quy định từ việc cho vay tiền (Vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay) với số tiền là **151.858.872đồng**. Đây là số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo thu được từ việc cho vay lãi nặng, là khoản tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của người vay. Đề nghị buộc bị cáo phải nộp số tiền **151.858.872đồng** để trả lại cho người vay.

- Đối với số tiền **10.690.161 đồng** là tiền lãi mà bị cáo thu phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự, tuy nhiên đây là tiền mà bị cáo thu lợi bất chính từ việc phạm tội. Đề nghị buộc bị cáo phải nộp lại số tiền **10.690.161 đồng** để tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền **90.649.033 đồng** là tiền gốc mà người vay chưa trả cho bị cáo. Đây là tiền bị cáo dùng vào việc phạm tội. Đề nghị buộc người vay nộp lại số tiền trên để tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước.

- Đối với tiền phụ thu mà bị cáo đã thu của người vay tiền với tổng số tiền là **32.050.000 đồng**. Đây là số tiền thu trái quy định của pháp luật mà bị cáo thu được từ hoạt động cho vay lãi nặng. Đề nghị buộc bị cáo phải nộp số tiền **32.050.000 đồng** để trả lại cho người vay.

Tại phiên tòa bị cáo không kêu oan, nội dung khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, không có tình tiết mới, bị cáo không có khiếu nại gì về kết luận điều tra, thống nhất với nội dung bản Cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, bị cáo không có ý kiến gì về lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa (được Hội đồng xét xử công bố tại phiên tòa), không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến bào chữa cho hành vi phạm tội của mình. Đồng thời, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nguyễn Thị M, bà Lê Thị Thu N, bà Nguyễn Thị X và bà Phạm Thị T có mặt tại phiên tòa đều thống nhất về số tiền gốc bị cáo cho vay, tiền lãi đã trả, tiền phí phụ thu đã đóng, tiền gốc chưa trả cho bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Huy T là công dân có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Nhận thức được việc cho vay lãi nặng là trái pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân nên bị cáo đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi và huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận từ tháng 04 năm 2020 đến ngày 18 tháng 12 năm 2021, bị cáo đã cho **26** người vay với tổng số tiền cho vay là **749.500.000 đồng**. Tổng số tiền lãi bị cáo đã thu là **162.549.033 đồng**; trong

đó tiền lãi thu phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự là **10.690.161đồng**, lãi suất vượt mức quy định là **151.858.872đồng**. Ngoài ra bị cáo còn thu tiền phí (phụ thu) từ người vay tiền là **32.050.000đồng**. Như vậy, bị cáo đã thu lợi bất chính từ hoạt động cho vay lãi nặng là **183.908.872đồng**. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế mà cụ thể là trật tự quản lý trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ được pháp luật bảo vệ nên cần xử lý nghiêm minh, nhằm răn đe giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[3] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

[3.1] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Huy T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự năm 2015.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

- Tịch Thu của bị cáo Lê Huy T nộp ngân sách nhà nước các khoản tiền sau: Số tiền gốc bị cáo đã thu là 658.850.967 đồng + số tiền lãi cho phép (tương ứng với mức lãi suất 20%/năm) là 10.690.161 đồng = 669.541.128 đồng.

- Đối với số tiền là 151.858.872 đồng là tiền thu lãi vượt quá quy định cho phép và số tiền 32.050.000 là tiền phí bị cáo thu của người vay là không hợp pháp nên tuyên buộc bị cáo trả lại cho những người vay.

- Đối với số tiền gốc mà những người vay chưa trả đủ là 90.649.033 đồng, buộc những người vay phải nộp vào Ngân sách Nhà nước theo quy định.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh - đen, số IMEI 1: 357755105664856, số IMEI 2: 357755107664854, đã qua sử dụng:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 thẻ sim Viettel số: 0387021326 (Số seri 8984048000311113939), đã qua sử dụng.

- Xe mô tô nhãn hiệu Wave S màu đen - trắng, biển số: 86C1 - 071.46 tạm giữ từ bị cáo T; Tuấn khai của bà Đặng Thị H, mẹ vợ của T. Bà H khai bà mua vào năm 2013 với giá 1.700.000đồng từ một người không rõ họ tên. T mượn xe này của bà để làm phương tiện đi lại, bà không biết T sử dụng xe mô tô trên làm phương tiện để hoạt động cho vay lãi nặng. Qua tra cứu xác định xe mô tô biển số: 86C1 - 071.46 là do ông Võ Hồng S (SN: 1986; Nơi cư trú: Thôn Phú L, xã Hàm C, huyện Hàm Thuận N, tỉnh Bình Thuận) đứng tên đăng ký sơ hữu. Cơ quan CSĐT Công an TP Quảng Ngãi đã có quyết định ủy thác điều tra đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận để xác minh, kết quả: năm 2014 ông Võ Hồng S mua xe mô tô 86C-071.46 và làm thủ tục đăng ký mang tên Võ Hồng S; đến năm 2017 ông S bán xe mô tô 86C-071.46 cho một người ở thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận (không rõ nhân thân lai lịch). Cơ quan CSĐT Công an TP Quảng Ngãi không có căn cứ để trả xe mô tô trên cho

bà H nên đã tách chiếc xe mô tô nói trên ra khỏi hồ sơ vụ án để tiếp tục điều tra xác minh, đề nghị xử lý sau là có căn cứ .

- Căn cước công dân mang tên Lê Huy T, số 038098017741 do Cục trưởng Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 16/9/2021. Cơ quan CSĐT Công an TP Quảng Ngãi đã trả lại cho bà Đặng Thị H - là mẹ vợ của Lê Huy T theo yêu cầu của Tuấn là phù hợp.

- Căn cước công dân mang tên Đỗ Thị X, số 051190015339 do Cục trưởng Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 20/8/2021; Giấy khai sinh mang tên Phạm Gia M, sinh ngày 16/7/2011, cha Phạm B, mẹ tên Nguyễn Thị X và giấy khai sinh mang tên Phạm Thị Thúy Q, sinh ngày 07/11/2006 có cha tên Phạm B, mẹ tên Nguyễn Thị X: đây là giấy tờ bà X đưa cho T khi vay tiền. Cơ quan CSĐT Công an TP Quảng Ngãi đã trả lại cho bà Đỗ Thị X là phù hợp.

- Số tiền 4.200.000đồng Tạm giữ từ T, là tiền lãi và tiền gốc T thu của người vay trong ngày 18/12/2021 tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[5] Hoàn cảnh kinh tế của bị cáo khó khăn, bị áp dụng biện pháp tư pháp tịch thu toàn bộ số tiền gốc, lãi do giao dịch dân sự không hợp pháp nên không áp dụng thêm hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên: Về tội danh, áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Bị cáo có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

[8] Bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 46, Điều 47 và khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106, 136, 331, 332 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Lê Huy T phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

Xử phạt bị cáo Lê Huy T 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/12/2021 đến ngày 17/3/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

- Tịch Thu của bị cáo Lê Huy T nộp ngân sách Nhà nước các khoản tiền sau: Số tiền gốc bị cáo đã thu là 658.850.967 đồng + số tiền lãi cho phép (tương ứng với mức lãi suất 20%/năm) là 10.690.161 đồng = 669.541.128 đồng (Sáu trăm sáu mươi chín triệu, năm trăm bốn mươi một ngàn, một trăm hai mươi tám

đồng).

- Buộc bị cáo Lê Huy T phải trả lại cho người đi vay số tiền thu lãi suất vượt mức quy định (trên 20%/năm) tổng cộng là 151.858.872 đồng (Một trăm năm mươi một triệu, tám trăm năm mươi tám ngàn, tám trăm bảy mươi hai đồng) cho những người vay, cụ thể: Bà Phạm Thị K là 2.463.941, bà Phạm Thị L là 2.599.315 đồng, bà Lưu Thị Kim S là 2.466.986 đồng, bà Đỗ Thị Tường V là 3.544.521đồng, bà Nguyễn Thị M là 189.041 đồng, bà Lê Thị Thu N là 5.611.312 đồng, bà Phạm Thị Thanh V là 4.017.123 đồng, bà Lê Thị T là 4.347.397 đồng, bà Nguyễn Thị Mỹ K là 3.213.699 đồng, bà Nguyễn Thị H là 10.822.604đồng, bà Phạm Thị T là 19.243.915 đồng, bà Nguyễn Thị P 1.181.507 đồng, bà Nguyễn Thị H 1.294.932 đồng, bà Đỗ Thị X 519.863 đồng, bà Đỗ Thị C 15.035.433 đồng, bà Nguyễn Thị B 1.843.151 đồng, bà Phạm Thị B 15.417.542 đồng, bà Tiêu Thị Mỹ L 2.221.233 đồng, bà Võ Thị Kim T 31.869.377 đồng, bà Lâm Thị C 1.690.587 đồng, bà Trần Thị L 1.258.948 đồng, bà Võ Thị H 4.748.031 đồng, bà Phạm Thị H 827.309 đồng, bà Phạm Hoàng T 6.150.859 đồng, bà Phạm Thị X 4.891.913 đồng, bà Nguyễn Thị X 4.388.333 đồng.

- Buộc bị cáo Lê Huy T phải trả lại 32.050.000 đồng (Ba mươi hai triệu không trăm năm mươi ngàn đồng) tiền phí phụ thu, cho những người vay, cụ thể từng người: Bà Phạm Thị K 500.000 đồng, bà Phạm Thị L 750.000 đồng, bà Lưu Thị Kim S 650.000 đồng, bà Đỗ Thị Tường V 750.000 đồng, bà Nguyễn Thị M 250.000 đồng, bà Lê Thị Thu N 1.200.000 đồng, bà Phạm Thị Thanh V 850.000 đồng, bà Lê Thị T 1.200.000 đồng, bà Nguyễn Thị Mỹ K 1.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị H 2.500.000 đồng, Phạm Thị T 3.600.000 đồng, bà Nguyễn Thị P 250.000 đồng, bà Nguyễn Thị H 550.000 đồng, bà Đỗ Thị X 250.000 đồng, bà Đỗ Thị C 2.800.000 đồng, bà Nguyễn Thị B 750.000 đồng, bà Phạm Thị B 2.500.000 đồng, bà Tiêu Thị Mỹ L 500.000 đồng, bà Võ Thị Kim T 6.000.000 đồng, bà Lâm Thị C 400.000 đồng, bà Trần Thị L 400.000 đồng, bà Võ Thị H 1.000.000 đồng, bà Phạm Thị H 200.000 đồng, bà Phạm Hoàng T 1.200.000 đồng, bà Phạm Thị X 1.200.000 đồng, bà Nguyễn Thị X 800.000 đồng.

- Truy thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền của những người vay chưa trả đủ tiền gốc vay tổng cộng là 90.649.033 đồng (Chín mươi triệu, sáu trăm bốn mươi chín ngàn không trăm ba mươi ba đồng), cụ thể từng người phải nộp: bà Phạm Thị K là 1.451.613 đồng, bà Phạm Thị L là 4.000.000 đồng, bà Lưu Thị Kim S là 2.560.000 đồng, bà Nguyễn Thị M là 4.200.000 đồng, bà Lê Thị Thu N là 4.838.710 đồng, bà Lê Thị T là 7.040.000 đồng, bà Nguyễn Thị Mỹ K là 6.400.000 đồng, bà Nguyễn Thị H là 4.200.000 đồng, bà Phạm Thị T là 3.709.677 đồng, bà Nguyễn Thị H là 5.520.0000 đồng, bà Đỗ thị X là 2.800.000 đồng, bà Đỗ Thị C là 2.580.645 đồng, bà Nguyễn Thị B là 7.200.000 đồng, bà Phạm Thị B là 3.870.968 đồng, bà Tiêu Thị Mỹ L là 600.000 đồng, bà Võ Thị Kim T là 7.096.774 đồng, bà Lâm Thị C là 2.419.355 đồng, bà Trần Thị L là 4.354.839 đồng, bà Võ Thị H là 3.709.677 đồng, bà Phạm Thị H là 1.290.323 đồng, bà Phạm Hoàng T là 2.419.355 đồng, bà Phạm Thị X là 8.064.516 đồng, bà Nguyễn Thị X là 322.581 đồng.

- Tịch thu chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh - đen, số IMEI 1: 357755105664856, số IMEI 2: 357755107664854 của Lê Huy Tuấn để nộp ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu thẻ sim Viettel số: 0387021326 (Số seri 8984048000311113939) của Lê Huy T đã qua sử dụng để tiêu hủy.

Đặc điểm vật chứng theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 17/5/2022 giữa Công an thành phố Quảng Ngãi và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

- Tiếp tục tạm giữ 4.200.000 đồng (Bốn triệu hai trăm ngàn đồng) của bị cáo T đã được Công an thành phố Quảng Ngãi nộp vào tài khoản số 3949.0.9043031.00000 tại Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi theo Ủy nhiệm chi lập ngày 22/6/2022 để đảm bảo thi hành án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Buộc các bị cáo Lê Huy T phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (11/7/2022). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CQCSĐT CA TP Quảng Ngãi;
- CA TP Quảng Ngãi (Bộ phận lưu trữ NV);
- Cơ quan THAHS CA TP Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP Quảng Ngãi;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Hậu